TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **51**/2020/DS-PT
Ngày: 20 - 5 -2020.
V/v Tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Kế Nghiệp

Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Triều

Ông Trần Bá Kha

**** Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án lý số 35/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Bà Phạm Kim C, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Ấp K, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn:**

1. Bà Lê Thị Út L, sinh năm: 1964;

2. Ông Lê Văn K, sinh năm: 1964.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo*: Bà Lê Thị Út L.

(Các đương sự bà C, bà Út L có mặt tại phiên tòa;
ông Kiên có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Kim C trình bày và yêu cầu như sau:***

Ngày 16/01/2015 âm lịch, bà có cho vợ chồng bà Lê Thị Út L, ông Lê Văn K vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, 06 tháng đóng lãi một lần, bắt đầu đóng lãi từ ngày 20/01/2015. Thời gian trả nợ gốc là ngày 20/01/2016. Hai bên có ký hợp đồng vay, tuy nhiên thực tế bà chỉ nhận tiền lãi của bà L, ông K số tiền là 40.000.000 đồng/200.000.000 đồng/năm tức là chỉ 20%/năm. Đến thời hạn trả nợ, bà L, ông K năn nỉ bà cho thiếu lại tiền gốc, cam kết đóng lãi đầy đủ thì bà cũng đồng ý. Bà L, ông K đóng lãi đến khoảng đầu năm 2019 thì vi phạm nghĩa vụ đóng lãi theo thỏa thuận. Đến tháng 4/2019 bà L đóng lãi thêm cho bà được số tiền là 19.100.000 đồng thì ngưng đóng cho đến nay. Vì vậy, bà yêu cầu ban lãnh đạo ấp H giải quyết nhưng vợ chồng bà L, ông K không trả mà cố tình khất nợ nên cuộc hòa giải không thành.

Nay bà yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng bà L, ông K trả nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 18/01/2019 đến ngày xét xử, lãi suất theo quy định của pháp luật, bà đồng ý cấn trừ số tiền 19.100.000 đồng tiền lãi bà L đã trả cho bà.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị Út L trình bày như sau:***

Bà thừa nhận ngày 16/01/2015 âm lịch có vay của bà Phạm Kim C số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 01 năm. Bà đóng lãi trước cho bà C 40.000.000 đồng, nhận 160.000.000 đồng. Khi đến hạn thanh toán do hoàn cảnh khó khăn bà xin gia hạn thời gian trả nợ gốc, đồng ý tiếp tục đóng lãi cho bà C. Hàng năm bà đóng lãi cho bà C số tiền 40.000.000 đồng, đóng lãi hàng năm. Đến tháng 04 năm 2019 bà trả cho bà C 19.100.000 đồng, không còn khả năng đóng lãi nữa. Bà đề nghị bà C không tính lãi nữa và đồng ý trả nợ gốc cho bà C mỗi tháng 5.000.000 đồng, bà yêu cầu cấn trừ số tiền trước đây bà đã trả cho bà C là 19.100.000 đồng vào nợ gốc.

**** Bị đơn ông Lê Văn K vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 15/11/2019 ông K trình bày như sau:***

Ông Kiên thống nhất với ý kiến trình bày của vợ ông là bà Lê Thị Út L, đồng ý trả cho bà Phạm Kim C mỗi tháng 5.000.000 đồng và yêu cầu không tính lãi.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

Căn cứ vào các Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; các điều 26, 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim C đối với vợ chồng bà Lê Thị Út L, ông Lê Văn K về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản.

- Buộc bà Lê Thị Út L, ông Lê Văn K trả cho bà Phạm Kim C số tiền là 214.220.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm trả, án phí và báo quyền kháng cáo khi bản án có hiệu lực thi hành.

Ngày 05/12/2019, bà Lê Thị Út L có đơn kháng cáo với nội dung: Bà không đồng ý trả cho bà Phạm Kim C số tiền 214.220.000 đồng. Bà thừa nhận có nợ bà C số tiền 160.000.000 đồng nhưng bà yêu cầu khấu trừ số nợ gốc là 19.100.000 đồng mà đã trả cho bà C vào năm 2019. Đồng thời, bà xin trả dần số tiền 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ và xin được miễn đóng lãi cho bà Phạm Kim C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị Út L giữ nguyên nội dung kháng cáo, không đồng ý trả cho bà Phạm Kim C số tiền 214.220.000 đồng. Bà chỉ đồng ý trả cho bà C số tiền 160.000.000 đồng nhưng cấn trừ 19.100.000 đồng tiền nợ gốc đã trả và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Kim C không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Út L nhưng bà C tự nguyện giảm bớt một phần tiền lãi cho vợ chồng bà Út L, bà C chỉ yêu cầu nhận lại số tiền gốc 200.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật. Về nội dung, tại phiên tòa, bà C tự nguyện giảm một phần tiền cho bị đơn, bà chỉ yêu cầu vợ chồng bà Út

L trả số tiền 200.000.000 đồng nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Út L, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn, HĐXX nhận thấy:

[1]. Tại biên nhận nợ ngày 16/01/2015 (âm lịch) thể hiện: Bà Lê Thị Út L, ông Lê Văn K có vay của bà Phạm Kim C số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, thanh toán lãi 6 tháng một lần, thanh toán lãi lần đầu vào ngày 20/01/2015(BL 37).

Điều này phù hợp với biên bản hòa giải 23/9/2019 của Ban lãnh đạo ấp H và biên bản hòa giải ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện U thể hiện bà Phạm Kim C và bà Lê Thị Út L, ông Lê Văn K thống nhất thừa nhận: Bà Lê Thị Út L có vay của bà Phạm Kim C số tiền 200.000.000 đồng, bà Út L đã đóng lãi trước 40.000.000 đồng nên số tiền thực nhận tại thời điểm vay là 160.000.000 đồng (BL 04, 30, 31).

Như vậy, có cơ sở để HĐXX khẳng định giữa vợ chồng bà Út L với bà Phạm Kim C có giao dịch vay tiền với số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, vợ chồng bà Út L có thỏa thuận trả lãi trước, cụ thể ông K và bà Út L đã thanh toán tiền lãi cho bà C với số tiền là 40.000.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận trả lãi trước của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức nên việc thỏa thuận này có hiệu lực pháp luật. Cho nên, tại thời điểm vay mặc dù ông K, bà Út L chỉ thực nhận số tiền 160.000.000 đồng nhưng số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các bên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn bà C số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Út L kháng cáo cho rằng, mặc dù vợ chồng bà viết biên nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng nhưng bà chỉ thực nhận 160.000.000 đồng nên đồng ý trả số tiền này là không có cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận.

[2]. Việc vay tiền của các bên có thỏa thuận lãi suất, tại cấp sơ thẩm bị đơn yêu cầu không tính lãi nhưng nguyên đơn không đồng ý, nguyên đơn bà Phạm Kim C khởi kiện yêu cầu tính lãi từ ngày 18/01/2019 (âm lịch) tức này 20/02/2019

dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/11/2019). Tuy nhiên, xét thấy bị đơn đã trả lãi 04 năm bắt đầu từ ngày 10/3/2015 (tức ngày 20/01/2015 âm lịch), do vậy thời điểm tính lãi của năm thứ 5 được tính từ ngày 10/3/2019 mới phù hợp. Bà C yêu cầu tính lãi từ ngày 18/01/2019 (nhằm 20/02/2019 dương lịch) và cấp sơ thẩm chấp nhận thời gian này đã gây chồng lấn thời hạn tính lãi làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Bị đơn bà Lê Thị Út L, ông Lê Văn K không có yêu cầu phản tố nên không có căn cứ để xem xét việc cho vay lãi nặng.

Tháng 4/2019, bà Út L đã tiếp tục thanh toán cho bà C số tiền 19.100.000 đồng, số tiền này cần phải được cấn trừ vào số nợ gốc và tính lãi trên số nợ gốc còn lại theo quy định pháp luật, tương ứng với thời hạn tính lãi từ ngày 10/3/2019. Cho nên, việc Tòa án sơ thẩm đã tính lãi theo yêu cầu của đương sự và buộc vợ chồng bà Lê Thị Út L thanh toán cho nguyên đơn bà Phạm Kim C số tiền 214.220.000 đồng là chưa phù hợp về thời hạn tính lãi.

Theo đó, thời gian tính lãi ngày 10/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/11/2019) tương đương 08 tháng 11 ngày, số tiền lãi mà bà Út L, ông Kiên phải thanh toán cho bà C là:

(200.000.000 đồng - 19.100.000 đồng) x 1.67%/tháng x 08 tháng 11 ngày = 25.276.000 đồng.

Số tiền gốc và lãi mà bà Út L, ông K phải thanh toán cho bà C là:

180.900.000 đồng + 25.276.000 đồng = 206.176.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 200.000.000 đồng. Xét thấy, sự tự nguyện này của nguyên đơn là phù hợp, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[3]. Riêng đối với yêu cầu bà Út L xin trả dần 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ. Xét thấy, việc xem xét cho đương sự phải trả nợ một lần hay trả làm nhiều lần thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực thi hành theo quy định tại mục 1, phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Kim C không chấp nhận yêu cầu xin trả nợ dần của Út L. Vì vậy, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà Út L.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang; Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Út L, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Út L.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Các điều 26, 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim C đối với bà Lê Thị Út L và ông Lê Văn Kiên về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản.

[2]. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Phạm Kim C yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Út L và ông Lê Văn K phải trả cho bà Phạm Kim C số tiền 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng).*

[3]. Kể từ ngày bà Phạm Kim C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị Út L và ông Lê Văn K không trả hoặc trả không đủ số tiền trên, thì còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

[4]. Về án phí*:*

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc bà Lê Thị Út L và ông Lê Văn K phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đ *(Mười triệu đồng).*

Bà Phạm Kim C không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Phạm Kim C số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000 đồng *(năm triệu đồng)* đã nộp theo biên lai thu

tiền số 0003092 ngày 21/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Bà Lê Thị Út L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà Lê Thị Út L số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* do Lê Minh T nộp thay theo biên lai thu tiền số 0003146 ngày 13/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

*** Nơi nhận:**
- VKSND tỉnh KG.
- TAND huyện U;
- T.H.A huyện U;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Võ Kế Nghiệp